

Các định nghĩa về Học bạ (SRC) 2020–21

Do COVID-19, các học khu và gần như tất cả các trường đều nhận được nhãn Không được xếp hạng: Đã công bố Tình trạng Thảm họa. Một số cơ sở đủ điều kiện để được đánh giá thay thế theo Dự luật của Thượng viện 1365. Các cơ sở này phải nhận được xếp hạng D, F hoặc Yêu cầu Cải thiện cho lần đánh giá gần đây nhất và đã có tỷ lệ tham gia đánh giá 95% vào năm 2021. Nếu khuôn viên đạt yêu cầu yêu cầu về tính đủ điều kiện và nhận được ít nhất 70 điểm khi tính trung bình Thành tích của học sinh năm 2021 và Tiến độ học, Phần B: Điểm số được chia theo miền Hiệu suất tương đối, nó nhận được nhãn Có thể chấp nhận.

Tỷ lệ bỏ học hàng năm: Tỷ lệ bỏ học hàng năm (Gr 9–12) chỉ được báo cáo cho các trường trung học. Tỷ lệ bỏ học hàng năm là số học sinh bỏ học (từ lớp 9–12) được biểu thị bằng phần trăm của số học sinh đi học từ lớp 9–12 vào bất kỳ thời điểm nào trong năm học 2019–20 hoặc 2018–19.

Tỷ lệ chuyên cần: Tỷ lệ phần trăm số ngày học sinh có mặt trong năm 2019–20 dựa trên sự đi học của học sinh. Tỷ lệ cho năm 2019–20 dựa trên tỷ lệ đi học của học sinh từ 4 tỷ lệ đi học cao nhất trong sáu tuần do đại dịch Covid-19. Chỉ những học sinh từ lớp 1–12 mới được tính vào phép tính.

Quy mô lớp học trung bình: Sĩ số lớp học được tính toán từ lịch trình lớp học của giáo viên. Ví dụ, tổng số sinh viên trong khoa học được chia cho số lớp khoa học. Các lớp tiểu học được thể hiện theo cấp lớp; các lớp trung học được thể hiện theo chủ đề.

Cao đẳng, nghề nghiệp và sẵn sàng cho quân đội: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hàng năm chứng tỏ mức độ sẵn sàng đại học, nghề nghiệp hoặc quân sự (CCMR) bằng cách đáp ứng ít nhất một trong chín tiêu chí được cung cấp trong Chương 2 của Sổ tay hướng dẫn giải trình năm 2021. Xin lưu ý rằng kết quả CCMR cho năm 2018–19 bao gồm các chỉ số về trình tự nhập ngũ và CTE nhất quán trong khi kết quả của năm 2019–20 thì không.

Chỉ định phân biệt: Các chỉ định khác biệt được trao để công nhận thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực cụ thể. Các chỉ định phân biệt đã không được trao do COVID-19.

Khó khăn về kinh tế: Tỷ lệ học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế là số học sinh đủ điều kiện nhận bữa trưa miễn phí hoặc giảm giá hoặc các khoản trợ cấp công cộng khác chia cho tổng số học sinh.

Song ngữ nổi bật / EL: Học sinh có ngôn ngữ chính không phải là tiếng Anh và đang trong quá trình học tiếng Anh.

Chi tiêu cho mỗi học sinh: Đây được tính bằng tổng chi tiêu cho 2019–20 chia cho tổng số thành viên cho 2019–20. Để biết thêm thông tin, liên hệ với văn phòng tài chính trường học theo số 512-463-9238. Để có báo cáo chi tiết, hãy xem báo cáo thực tế tài chính PEIMS 2019–20 tại <http://tea.texas.gov/financialstandardreports/>.

Tỷ lệ tốt nghiệp liên bang (4 năm): Chỉ số này cho biết tình trạng của học sinh sau bốn năm trung học và sử dụng định nghĩa bỏ học của Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia (NCES) và cách tính tỷ lệ tốt nghiệp của liên bang. Để biết thêm thông tin, hãy xem báo cáo Hoàn thành và Bỏ học Trung học ở các Trường Công lập Texas, 2019–20.

Tỷ lệ chi tiêu cho giảng dạy: Tỷ lệ này được tính bằng chi phí giảng dạy và chi phí liên quan cho 2019–20 chia cho tổng chi tiêu cho 2019–20. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với Văn phòng tài chính trường

học theo định nghĩa 2020–21 Học bạ (SRC) Cơ quan giáo dục Texas | Quản trị và trách nhiệm giải trình | Báo cáo hiệu suất 2 trong 3 512-463-9238. Để có báo cáo chi tiết, hãy xem Báo cáo thực tế tài chính PEIMS 2019-2020 tại <http://tea.texas.gov/financialstandardreports/>.

Phần trăm nhân viên giảng dạy: Phần trăm nhân viên toàn thời gian (FTE) của học khu có chức năng công việc là cung cấp hướng dẫn trực tiếp trong lớp học cho học sinh trong năm học 2019–20. Để biết thêm thông tin, liên hệ với Văn phòng Tài chính Trường học theo số 512-463-9238.

Tỷ lệ đọc: Các chỉ số này cho biết tình trạng của học sinh sau bốn năm ở trường trung học (Tỷ lệ theo chiều dọc 4 năm), sau năm năm ở trường trung học (Tỷ lệ theo chiều dọc mở rộng 5 năm), hoặc sau sáu năm ở trường trung học (6 năm Tỷ lệ dọc mở rộng). Tỷ lệ bốn năm bao gồm những học sinh lần đầu tiên học lớp chín vào năm 2016–17, thể hiện tình trạng cuối cùng của họ với Lớp năm 2020. Tỷ lệ năm năm bao gồm những học sinh lần đầu tiên học lớp chín vào năm 2015–16, cho thấy tình trạng cuối cùng của họ ở cuối năm 2020. Tỷ lệ sáu năm bao gồm các học sinh lần đầu tiên học lớp chín vào năm 2014–15, cho biết tình trạng cuối cùng của họ vào cuối năm 2020. Tỷ lệ này cho thấy tỷ lệ học sinh đã tốt nghiệp, nhận được Chứng chỉ Tương đương Trung học Texas (TxCHSE), tiếp tục học trung học, hoặc bỏ học.

Thành viên: Xem tổng số sinh viên.

Tỷ lệ di chuyển: Tỷ lệ phần trăm học sinh đã là thành viên của một trường học dưới 83 phần trăm của năm học (tức là, bỏ lỡ sáu tuần hoặc nhiều hơn).

Chủng tộc / Dân tộc: Học sinh được báo cáo là Người Mỹ gốc Phi, Người Tây Ban Nha, Người da trắng, Người Mỹ da đỏ, Người châu Á, Đảo Thái Bình Dương và hai hoặc nhiều chủng tộc.

Sinh viên tốt nghiệp RHSP / DAP: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, sau bốn năm, được báo cáo là đã đáp ứng các yêu cầu của khóa học đối với Chương trình Trung học Khuyến nghị (RHSP) hoặc Chương trình Thành tích Xuất sắc (DAP). Nó không bao gồm sinh viên tốt nghiệp FHSP.

Sinh viên tốt nghiệp RHSP / DAP / FHSP-E / FHSP-DLA: Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, sau bốn năm, được báo cáo là đã đáp ứng các yêu cầu của khóa học cho Chương trình Trung học được Đề xuất (RHSP), Chương trình Thành tích Xuất sắc (DAP), Dự bị Trung học Chương trình Trường học (FHSP) với sự chứng thực (FHSP-E) hoặc mức độ thành tích phân biệt (FHSP-DLA).

Kết quả SAT / ACT: Báo cáo cung cấp ba chỉ số: (1) Đã kiểm tra cho thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp khóa 2019–20 và 2018–19 đã thi SAT hoặc ACT, (2) Điểm SAT trung bình cho năm 2018–19 và 2019–20 sinh viên tốt nghiệp, và (3) Điểm ACT trung bình cho sinh viên tốt nghiệp năm 2018–19 và 2019–20.

Giáo dục Đặc biệt: Số học sinh được phục vụ trong các chương trình giáo dục đặc biệt.

STAAR: Đánh giá Sẵn sàng Học tập của Bang Texas (STAAR®) là một chương trình kiểm tra toàn diện dành cho học sinh trường công lập từ lớp 3 đến lớp 8 hoặc các khóa học trung học với các bài đánh giá cuối khóa (EOC). Chương trình STAAR được thiết kế để đo lường mức độ học sinh đã học, đã hiểu và có thể áp dụng các khái niệm và kỹ năng được mong đợi ở mỗi cấp lớp được kiểm tra, hoặc sau mỗi khóa học có đánh giá EOC. Học sinh được đánh giá về đọc (lớp 3–8), toán (lớp 3–8), viết (lớp 4 và 7), khoa học (lớp 5 và 8), và nghiên cứu xã hội (lớp 8). Các bài đánh giá cuối khóa được thực hiện cho Tiếng Anh I và II, Đại số I, Sinh học và Lịch sử Hoa Kỳ. Các thước đo cho STAAR được hiển thị: Phần trăm STAAR ở mức Tiếp cận Cấp độ Chuẩn trở lên, Đạt Chuẩn Cấp độ Cấp độ trở lên và Cấp độ Thạc sĩ. Định nghĩa 2020–21 Học bạ (SRC) Texas Education Agency | Quản trị và Trách nhiệm giải trình | Báo cáo Hiệu suất 3 của 3

Tổng số học sinh: Đây là tổng số học sinh trường công lập được báo cáo là thành viên vào ngày 30 tháng 10 năm 2020, ở bất kỳ cấp lớp nào từ giáo dục mầm non đến lớp 12. Tư cách thành viên khác với đăng ký vì không bao gồm học sinh được học khu phục vụ trong ít hơn hai giờ mỗi ngày. Ví dụ: tổng số học sinh không bao gồm học sinh theo học trường ngoài công lập nhưng nhận được một số dịch vụ, chẳng hạn như trị liệu ngôn ngữ, trong ít hơn hai giờ mỗi ngày từ trường công tại địa phương của họ.

Các ký hiệu đặc biệt: SRC 2020–21 sử dụng các ký hiệu đặc biệt sau:

- Dấu hoa thị (*) được sử dụng để che dấu các số nhỏ để tuân thủ Đạo luật Quyền riêng tư và Quyền Giáo dục Gia đình (FERPA) của liên bang.
- Dấu gạch ngang (-) cho biết không có quan sát nào được báo cáo cho nhóm này.
- n / a chỉ ra rằng dữ liệu không có sẵn hoặc không thể áp dụng được.
- Dấu chấm hỏi (?) Cho biết dữ liệu không thể thống kê được hoặc được báo cáo nằm ngoài một phạm vi hợp lý.